Thien Tu Niem Xu - 5-6

Thiền Tứ Niệm Xứ

Thien Tu Niem Xu - 5-6

[BuddhaSasana] [Unicode Fonts]

Thiền Tứ Niệm Xứ

Thích Trí Siêu, 1998

5. Thiền và Tịnh độ

N gày nay trong Phật giáo còn lại ba tông phái chính là Thiền, Mật và Tịnh Độ. Riêng ở Việt Nam thì chỉ có Thiền Tông và Tịnh Độ tông là thịnh hành hơn cả. Đại khái thì Thiền chủ trương tự lực, Tịnh Độ (có tự lực nhưng) nương tha lực. Mới xem qua dường như hai pháp môn này chống trái nhau, nhưng xét cho kỹ Thiền là trở về với bổn tánh thanh tịnh, đó không phải là tịnh sao? Còn Niệm Phật mà không có chánh niệm thì Tín, Hạnh, Nguyện không tròn làm sao vãng sanh, mà chánh niệm há chẳng phải là Thiền?

Người ta thường có khuynh hướng cho rằng Thiền cao hơn Tịnh Độ. Thật ra vấn đề không phải ở cao thấp mà ở chỗ bịnh nào thuốc nấy mà thôi.

Đức Phật xưa kia đã tận tụy suốt 45 năm nói Pháp, từ cao xuống thấp, từ thấp lên cao, tùy căn cơ của chúng sanh mà chỉ bệnh cho thuốc. Ngài không quảng cáo một pháp môn nào cả, không đề cao Tịnh Độ hạ thấp Thiền, không bảo Thiền hơn Tịnh Độ. Sự phân biệt cao thấp, Đại, Tiểu là do người sau này, căn cơ không được như đức Phật, không có nhất thiết chủng trí, không biết nhiều pháp môn, chuyên tu pháp môn nào thì chỉ đề xướng pháp môn đó thôi. Người thích tu Thiền không nên tưởng mình là thượng căn, người tu Tịnh Độ không nên có mặc cảm là hạ căn. Người tu khi lựa chọn pháp môn phải dùng trí huệ sáng suốt, biết bệnh của mình hợp với phương thuốc nào. Thượng căn hay hạ trí thực ra không có nghĩa gì cả, đó chỉ là những khái niệm nhị nguyên do chúng ta phân biệt đặt ra mà thôi. Một ông bác sĩ giỏi chữa hết bệnh đau mắt, không thể nói với một người đau tim rằng: "thuốc của tôi hay lắm, vì đã chữa khỏi nhiều người, ông nên uống vào sẽ hết bệnh". Cũng vậy, ta không thể nói Kinh nào hay Pháp môn nào hay hơn cả.

Tịnh Độ thật ra là một phần của Mật Tông. Theo Mật Tông hay đúng hơn là Mật thừa (Mantrayanà) còn gọi tên khác là Kim Cang thừa (Vajra-yanà), mỗi một vị Phật hay Bồ Tát đều có một câu thần chú tượng trưng cho bản nguyện của vị đó. Đức Phật Thích Ca có câu thần chú "Om muni muni maha muni svahà", Phật A Di Đà có "Om Amitabhà Hrih", Quan Thế Âm Bồ Tát có "Om mani padmè hùm ", v.v... Phật A Di Đà ở phương Tây là một trong năm vị Dhyàni Buddha, và cõi Cực lạc của Ngài là một trong muôn ngàn cõi tịnh độ trong pháp giới.

Nhân tiện đây xin nhắc nhở nhưng ai tu Mật tông theo truyền thống Tây Tạng tức quán tưởng các hình tướng (déités, Yidams, Dakinis...) hoặc mandala, cần phải có bậc thầy truyền cho trực tiếp (Initiation, dbang). Nếu chỉ tu theo sách vở, hoặc học lóm thì sẽ dễ

lạc đường và có thể mất trí.

Tịnh Độ thuộc Đại thừa, hành giả tu niệm Phật cầu sanh về Cực Lạc, chứng được quả vị Bất thối chuyển rồi từ đó dần dần tiến đến quả vị Phật là cứu cánh. Tuy nhiên trên phương diện thực hành và truyền bá thì Tịnh Độ nhấn mạnh về việc vãng sanh Cực Lạc và hay lãng quên mục đích chân chánh là cầu thành Phật độ chúng sanh.

Người tu theo Tịnh Độ thường cho mục đích chính của sự niệm Phật là cầu sanh Cực Lạc, không nghĩ đến chuyện thành Phật, hoặc nghĩ từ đó sẽ học làm Phật sau. Niệm Phật để cầu thành Phật và muốn thành Phật phải học làm Phật. Đến khi xả bỏ báo thân này thì đương nhiên sẽ về Cực Lạc để tiếp tục con đường thành Phật. Vì thế người tu Tịnh Độ vẫn cần phải học tất cả pháp môn, trau dồi Giới, Định, Huệ ngay khi còn ở Ta Bà này.

Tu Tịnh Độ muốn được vãng sanh cần phải có đầy đủ Tín, Hạnh, Nguyện. Tín là lòng tin chắc chắn có đức Phật A Di Đà ở Cực Lạc Phương Tây, và những ai chí tâm niệm danh hiệu Ngài thì sẽ được vãng sanh. Phần đông những người già gần chết, biết không còn nương tựa vào ai được nữa nên dễ phát lòng tin. Những người trẻ thì nghĩ mình còn sống lâu, tự tin và hy vọng tương lai tươi đẹp, nên khó tin cảnh Cực Lạc, vì thế nên Tịnh Độ bị xem như một pháp môn dành cho người già (thật oan uổng cho Tịnh Độ!). Hạnh: một khi tin chắc rồi thì hành giả phải gia công ngày đêm niệm Phật không gián đoạn, phải niệm đến nhất tâm bất loạn (tức là chánh niệm). Nguyện: hành giả đem hồi hướng tất cả công đức niệm Phật nguyện sanh Cực Lạc.

Đại khái pháp môn tu Tịnh Độ là như vậy. Vì có rất nhiều sách giảng về Tịnh Độ, đọc giả có thể tìm nghiên cứu thêm, ở đây chỉ nhằm mục đích dung hòa hai lối tu giữa Thiền và Tịnh.

Ngày nay ở các chùa Việt Nam tu hành ra sao? Tu Thiền hay Tịnh?

Sáng sớm có một thời công phu khuya, gồm chú Lăng nghiêm, Đại Bi, Thập chú. Đây thuộc về khẩu Mật, vì chỉ tụng, không có bắt ấn, không quán tưởng, nên chỉ là một phần trong Tam Mật (thân, khẩu, ý).

Chiều thì có một thời Kinh Di Đà hoặc Phổ Môn, Hồng Danh, Mông sơn. Đây thuộc về Kinh, tạm gọi thuộc Tịnh Độ. Tối thì có chùa cho ngồi thiền từ hai mươi phút đến một tiếng, trong số đó thiền sinh có người thì niệm Phật, người thì loạn tưởng, người thì hôn trầm. Tạm gọi đây thuộc về Thiền.

Mới nhìn sơ qua ta thấy trong chùa gồm có cả ba pháp môn tu: Thiền có, Tịnh có, Mật có. Nhưng nhìn kỹ thì ta sẽ thấy chẳng có cái nào, vì chả có pháp môn nào được thực hành đúng đắn theo truyền thống của nó cả.

Tạm bỏ qua Mật tông, chỉ nói về Thiền và Tịnh. Tu Tịnh Độ nếu không hiểu lý thì Tín sẽ biến thành ỷ lại, không chánh niệm thì Hạnh không tròn. Không hiểu lý, không chánh niệm thì sẽ bê trễ lơ là, do đó Nguyện sẽ không thành. Vì thế những người trẻ khi tu theo Tịnh Độ cần phải trau dồi, học hỏi để thông hiểu lý, phải giữ chánh niệm, và phải phát nguyện cứu khổ chúng sinh, lập đi lập lại những lời nguyện ấy. Có thế Tịnh Độ sẽ

bớt yếm thế và không còn bị coi như của người già.

Tu Thiền mà chê Tịnh Độ, thì đó chưa hiểu tự tánh (vốn chơn không mà diệu hữu). Tu Tịnh Độ mà bỏ Thiền, thì chưa hiểu tự Tâm (vốn diệu hữu nhưng không lìa chơn không).

Người tu Thiền có thể hồi hướng công phu cầu sanh Tịnh Độ, nếu chưa hoàn toàn tự chủ và sợ căn cơ còn yếu.

Người tu Tịnh Độ phải tập học giữ chánh niệm để đạt được an lạc ngay trong cuộc sống hiện tại và do đó sẽ tránh bớt cho Tịnh Độ mang tiếng dành cho ông già bà cả.

Dù theo Thiền hay Tịnh Độ, người tu cần phải xa lánh thế tục, cố gắng tìm nơi rừng núi, thôn quê, trau dồi đạo hạnh. Xưa kia các Thiền Sư, sau khi ngộ đạo, đều tìm nơi ở ẩn đến khi tâm đúc thành một khối mới ra độ đời. Chư Tổ Tịnh Độ như Ngài Huệ Viễn, Thiện Đạo, Vĩnh Minh, không những xiển dương dạy chúng niệm Phật, mà chính mình cũng nhập thất niệm Phật làm gương. Ngày nay người tu như chúng ta, đạo lực, tâm lực, có bằng được một phần trăm, một phần ngàn của Cổ Đức không, mà lại hay đi phê bình, chỉ trích người tu ẩn dật, cho họ là ích kỷ, căn tánh Nhị Thừa?

6. Tứ Niệm Xứ và Bồ tát đạo.

B ồ Tát, nói cho đủ là Bồ Đề Tát Đỏa dịch âm từ chữ Bodhisattva (Sanskrit) hay Bodhisatta (Pali). Bodhi là Giác, Sattva là Hữu tình. Bồ Tát là những người phát tâm, nguyện đạt cho được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác, tức là Phật. Phát nguyện như vậy có quá đáng không? Có kiêu ngạo quá không? Không! Chỉ vì Bồ Tát có tâm Đại từ, Đại bi, muốn cứu độ chúng sanh thoát khỏi cái khổ sanh tử luân hồi nên mới phát nguyện thành Phật. Xưa kia, đức Phật Thích Ca vì lý do nào lìa bỏ cung thành đi tu? Phải chăng vì thấy cảnh sanh, già, bệnh, chết của chúng sanh mà quyết ra đi tìm giải thoát cho mình và cho người?

Bồ Tát là người cầu thành Phật? Hay chỉ là người có tâm Đại từ Đại bi thôi? Cầu thành Phật mà không có tâm Từ bi thì không thể có! Đại từ, Đại bi mà không có Trí tuệ thì cũng không thể cứu độ chúng sanh. Cứu khổ trong đạo Phật cần được hiểu là cứu khổ sanh tử luân hồi, chứ không phải khổ vật chất, hay tinh thần. Muốn cứu khổ chúng sanh một cách trọn vẹn và rốt ráo cần phải có trí tuệ toàn giác.

Vậy Bồ Tát là những người phát Bồ Đề Tâm (Bodhicitta), tức tâm nguyện thành Phật để cứu độ chúng sanh một cách toàn vẹn và rốt ráo. Đại Từ Bi chỉ là động lực đầu tiên thúc đẩy hành giả tiến bước trên Bồ Tát Đạo, và mục tiêu cuối cùng của Bồ Tát Đạo là quả vị Phật. Vì trong quả vị Phật, có đầy đủ các đức tánh Đại Từ, Đại Bi, Đại Hỷ, Đại Xả, Đại Hùng, Đại Lực, Đại Trí, Đại Huệ... để cứu độ chúng sanh.

Một khi phát Bồ Đề Tâm một cách vững chắc rồi. Bồ Tát có thể lựa chọn tất cả pháp môn nào tùy theo căn cơ, sở thích và tâm nguyện của mình. Bồ Tát không bắt buộc phải tạo nhiều chùa to, tượng lớn, không bắt buộc phải đi khắp nơi thuyết pháp, giảng đạo. Ngược lại cũng không bắt buộc phải vào rừng núi tu ẩn dật cho đến ngày thành Phật mới ra độ đời (trường hợp của các Đạo Sư Tây Tạng như Milarépa xưa kia, hoặc

điển hình hiện đại là Kalou Rimpoché). Từ lúc mới phát tâm cho đến khi thành Phật, Bồ Tát vẫn tiếp tục phát triển tâm Bồ Đề, tiếp tục cứu độ và làm lợi ích cho chúng sanh tùy theo căn cơ, khả năng của mình.

Bồ Tát không bắt buộc phải là thượng căn, Thanh Văn không hẳn là hạ trí. Bồ Tát chỉ khác Thanh Văn nơi Bồ Đề Tâm thôi. Tất cả pháp môn Đức Phật để lại, không có pháp nào dành riêng cho Bồ Tát hay Thanh Văn cả. Thí dụ như Tịnh Độ được coi là một pháp môn thuộc Đại Thừa. Nhưng nếu người niệm Phật cầu về Cực Lạc với tâm niệm giải thoát cho chính mình khỏi cái khổ Ta Bà, thì người này đang biến Tịnh Độ thành Tiểu Thừa vậy.

Khi nói về ba Thừa (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát), người ta thường nói như vầy: Thanh Văn tu theo Tứ Đế, Duyên Giác tu theo Thập nhị nhân duyên, và Bồ Tát tu theo Lục Độ. Nói như vậy không đúng. Tứ Đế là một chân lý, trong đó có Đạo Đế, Đạo Đế là con đường đưa đến Niết Bàn. Đạo Đế tức là Đạo Phật. Đạo Đế không phải chỉ có Bát Chánh Đạo, hoặc 37 phẩm trợ đạo thôi, mà tất cả 84,000 pháp môn đều được xem là Đạo Đế. Do đó Thập nhị nhân duyên, và Lục Độ cũng thuộc Đạo Đế. Vậy pháp tu của Duyên Giác hay Bồ Tát cũng không nằm ngoài Tứ Đế.

Trong 84,000 pháp môn của Đức Phật để lại chỉ có một mùi vị, đó là vị giải thoát. Nhưng chúng ta lại có thói quen hay chia phe, xếp hạng: pháp này là Tiểu Thừa, pháp kia Đại Thừa. Nếu tu theo Đại Thừa mà giảng Tứ Đế thì không hay, phải giảng Pháp Hoa, Kim Cang mới đúng. Vì sự phân chia vô lý này và hiểu lầm danh nghĩa Bồ Tát nên người tu theo Đại Thừa thường hay thích thọ "Bồ Tát giới" và coi thường (nếu không muốn nói là khinh chê) giáo lý Tiểu Thừa.

Thọ "Bồ Tát giới" để làm gì? Có phải để có quyền khai chế những giới luật căn bản (Pàtimokkha) không? Để thoát ra khỏi nếp sống gò bó, đơn giản của đời tu sĩ ẩn dật, tự ý nghèo nàn không?

Thọ Bồ Tát giới rồi có bắt buộc phải lao đầu vào những nơi chợ búa, thành thị mà mở nhiều chùa, thuyết pháp thâu phục đệ tử không?

Theo Phật giáo, có ba hạng Bồ Tát là: Trí Tuệ Bồ Tát (Pannadhika), Tín Đức Bồ Tát (Saddhàdhika) và Tinh Tấn Bồ Tát (Viriyàdhika).

Trí Tuệ Bồ Tát chú trọng phát triển trí tuệ và thực hành Thiền Định nhiều hơn là nhiệt thành với những hình thức lễ bái cúng dường bề ngoài. Các ngài luôn luôn đi theo sự hướng dẫn của lý trí và không chấp thuận điều gì một cách mù quáng. Không tự bó tay quy hàng cho một lý thuyết nào, cũng không làm nô lệ cho một quyển sách, một bộ Kinh, hay một cá nhân nào. Trí Tuệ Bồ Tát thích trầm tĩnh yên lặng để trau dồi thiền định. Từ nơi vắng vẻ tịch mịch ấy, Ngài rải những tư tưởng an lành, tuy trầm lặng nhưng hùng dũng, bủa khắp thế gian, để đem lại sự hổ trợ tinh thần cho nhân loại đau khổ.

Tín Đức Bồ Tát đặt trọn niềm tin nơi hiệu lực của tâm thành. Saddhà hay niềm tin chân thành là đặc điểm chánh yếu của Ngài. Cùng với Saddhà (niềm tin nơi Tam Bảo) như

người bạn đồng hành trung tín, Ngài thành tựu mục tiêu. Tất cả những hình thức cụ thể lễ bái, thờ phượng là sở trường của Tín Đức Bồ Tát. Tượng Phật là một nguồn gợi cảm quan trọng đối với Ngài.

Tinh Tấn Bồ Tát thì luôn luôn tìm cơ hội để phục vụ kẻ khác. Không có gì làm cho vị Tinh Tấn Bồ Tát hoan hỉ bằng tích cực phục vụ. Đối với các Ngài, "làm việc là hạnh phúc, và hạnh phúc là làm việc". Không tích cực hoạt động phục vụ thì các Ngài không có hạnh phúc.

Theo Kinh sách thì con đường của bậc Trí Tuệ Bồ Tát ngắn nhứt, Tín Đức Bồ Tát phải trải qua một thời gian dài hơn, và Tinh Tấn Bồ Tát còn dài hơn nữa.

Tứ Niệm Xứ là một phương pháp hành thiền dẫn đến trí tuệ giải thoát, tự tánh nó không phải Thanh Văn hay Bồ Tát, tuy nhiên nếu phải so sánh và xếp loại với Bồ tát đạo, thì Tứ Niệm Xứ là một trong những con đường đi của Trí Tuệ Bồ Tát.

Nếu hành giả theo Đại Thừa có Tâm địa Bồ Tát, thì song song với việc tu tập Tứ Niệm Xứ (tự thanh lọc bản tâm), hành giả phải thường tự nhắc nhở, phát nguyện và noi theo những gương Đại Bi của Quan Âm, Đại Trí của Văn Thù, Đại Hạnh của Phổ Hiền (nuôi dưỡng chí nguyện độ tha).

[Mục lục][Chương kế]

[Thư
Mục chính]
Last
updated: 31-01-2000
Web
master: binh_anson@yahoo.com
binh_anson@hotmail.com

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.